

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-PT

Ngày 19-4-2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội Đ xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tử Lượng

Các Thẩm phán: Ông Tạ Văn Vinh và bà Trần Thị Sâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Len – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình: Bà Phạm Minh Ngọc
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2021/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H sinh năm 1981; địa chỉ: Số nhà 06/2/466 đường Ng, phố Th, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm Đ, xã Y, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Vũ Duy Q sinh năm 1960; địa chỉ: Số nhà 810, tổ H, phường T, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

4. *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/6/2020, Đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 02/7/2020, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Văn Đ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình ngày

07/7/2010. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại nhà bố mẹ đẻ chị H ở phường Ninh Sơn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 01/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất Đ về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, đánh nhau. Vì cuộc sống chị H phải tự lo kinh phí để đi lao động ở Đài Loan từ 6/2017 – 3/2020. Thời gian chị H ở Đài Loan, anh Đ không quan tâm động viên mà thường xuyên điện thoại chửi bới xúc phạm, không cho chị liên lạc với con. Từ khi chị về nước (tháng 3/2020) đến nay vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, có lần anh Đ đánh chị phải đi bệnh viện kiểm tra sức khỏe. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Chị H và anh Đ có hai con chung là cháu Nguyễn Bình A sinh ngày 06/7/2011 và cháu Nguyễn Thịnh V sinh ngày 07/12/2013. Khi ly hôn chị H xin nuôi dưỡng hai con chung, anh Đ có cấp dưỡng nuôi con hay không là tùy. Nếu không được nuôi cả hai con thì chị H xin nuôi con thứ hai là cháu Nguyễn Thịnh V. Hiện tại chị H đang ở nhà đất của vợ chồng, có công việc ổn định, thu nhập bình quân mỗi tháng 7.200.000 đồng đủ điều kiện để nuôi hai con.

- Về tài sản chung: Chị H và anh Đ có 01 mảnh đất ở diện tích 65,7m² tại thửa số 200 tờ bản đồ số 01 phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đứng tên vợ chồng (ghi sai tên đệm Nguyễn Thành Đ); trên đất có 01 nhà tạm cấp 4 mái lợp tôn cùng công trình phụ. Nguồn gốc đất là của mẹ chị H cho một nửa, còn một nửa vợ chồng bỏ tiền ra mua lại phần của chị gái là Nguyễn Thị Thanh Nhân. Chị H đề nghị Tòa án chia tài sản chung vợ chồng theo quy định của pháp luật và chia cho chị phần nhiều hơn vì chị có công sức đóng góp nhiều hơn anh Đ. Do nguồn gốc đất là của bố mẹ và ở cạnh nhà mẹ đẻ, để tiện cho việc sinh hoạt chị H đề nghị được sử dụng nhà đất và có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho anh Đ. Chị H tự nguyện đóng góp với anh Đ 90.000.000 đồng tiền anh Đ đã nuôi con trong thời gian chị H vắng nhà.

- Về công nợ: Chị H xác định vợ chồng không có khoản nợ chung nào. Quá trình giải quyết vụ án anh Đ khai đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 200 tờ bản đồ số 1 phường Ninh Sơn để vay ông Vũ Duy Q 400.000.000 đồng về nuôi cá Koi. Chị không chấp nhận khoản vay với lý do: Khi anh Đ vay tiền của ông Q không thông báo nên chị không biết và chị không ký giấy tờ vay; khi chị về nước anh Đ không nói gì về số tiền vay, đến khi Tòa án giải quyết ly hôn anh Đ mới nói đến số tiền vay của ông Q. Chị H không chấp nhận khoản nợ này là nợ chung vợ chồng mà là khoản nợ riêng của anh Đ. Chị cũng không nhất trí việc anh Đ tự ý đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng đi thế chấp cho ông Q. Việc thế chấp GCNQSDĐ giữa anh Đ và ông Q không đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án hủy giao dịch thế chấp giữa anh Đ và ông Q, buộc ông Q trả lại GCNQSDĐ cho vợ chồng chị.

Tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Đ kết hôn với chị Nguyễn Thị H là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ninh Sơn ngày 07/7/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 7 – 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H tự bỏ đi lao động ở nước ngoài nên anh Đ đưa con về quê sống lúc đó cháu lớn 6 tuổi, cháu bé 4 tuổi. Trong thời gian chị H lao động ở nước ngoài anh khước từ việc chị H gọi điện hỏi thăm các con, anh xác định ngay từ đầu nếu chị H đi nước ngoài thì vợ chồng không chung sống cùng nhau nữa. Tháng 3/2020 chị H về nước và về quê chung sống với anh được khoảng một tháng thì lại xảy ra mâu thuẫn. Anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên Đ ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh Đ xác nhận vợ chồng có hai con chung như chị H khai. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh Đ đề nghị nuôi cả hai con, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng vì anh có nghề sửa chữa điện lạnh, thu nhập ổn định. Chị H đã bỏ con đi nước ngoài khi cháu bé mới 4 tuổi nên anh không Đ ý cho chị được quyền nuôi con. Nếu không được nuôi cả hai con thì anh Đ xin được nuôi cháu Nguyễn Thịnh V.

- Về tài sản chung: Vợ chồng anh có 01 thửa đất ở diện tích 65,7m² tại thửa số 200 tờ bản đồ số 01 phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình đã được cấp giấy CNQSDĐ mang tên vợ chồng, trên đất có 01 nhà cấp 4 lợp mái tôn. Nguồn gốc của thửa đất này là do vợ chồng mua của mẹ chị H. Anh Đ không có nhu cầu ở nhà đất nhưng không Đ ý với giá Công ty thẩm định giá Hoàng Kim đưa ra, đề nghị để vợ chồng bán theo giá thị trường và tự phân chia. Anh Đ nhất trí nhận 90.000.000 đồng chị H tự nguyện đóng góp với anh tiền nuôi con trong thời gian chị H vắng nhà.

- Về công nợ: Năm 2017 và 2018 khi chị H đi nước ngoài, anh đã thế chấp GCNQSDĐ của vợ chồng cho ông Q để vay 400.000.000 đồng, mục đích vay để nuôi cá Koi. Khi vay tiền anh Đ không thông báo cho chị H biết, đến khi chị về nước anh cũng chưa nói vì không có thời gian để nói. Anh Đ và ông Q không làm thủ tục thế chấp theo quy định của pháp luật mà chỉ đưa GCNQSDĐ cho ông Q giữ để làm tin. Do làm ăn thua lỗ nên anh chưa trả tiền cho ông Q. Anh Đ xác định đây là nợ chung của vợ chồng nên chị H cùng phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Q.

Tại các bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Duy Q trình bày: Năm 2017, 2018 ông Q cho anh Nguyễn Văn Đ vay tiền 3 lần với tổng số tiền vay là 400.000.000 đồng, nhưng không nhớ ngày tháng cho vay; đến lần thứ 3 hai bên mới viết giấy vay tiền đề ngày 27/3/2018 với số tiền vay 400.000.000 đồng. Hai bên không thỏa thuận lãi suất, hẹn đến ngày 31/12/2018 sẽ trả đầy đủ cả gốc và lãi. Mục đích anh Đ vay tiền để nuôi cá Koi. Khi anh Đ vay tiền chị H là vợ anh Đ có biết hay không thì ông không biết. Anh Đ có thể chấp cho ông GCNQSDĐ của vợ chồng để làm tin. Đến nay anh Đ chưa trả nợ,

ông Q yêu cầu vợ chồng anh Đ chị H phải trả ngay số tiền 400.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, khi nào anh Đ chị H trả đủ tiền thì ông sẽ trả lại GCNQSDĐ.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm chị H và anh Đ đã thống nhất lựa chọn Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá Hoàng Kim (gọi tắt là công ty Hoàng Kim) tiến hành thẩm định giá tài sản chung của vợ chồng theo quy định.

Tại chứng thư thẩm định giá số: 200920/CT-HK ngày 24/9/2020 Công ty Hoàng Kim xác định đất và tài sản trên đất của chị H anh Đ tại địa chỉ 06/2/466 đường Nguyễn Công Trứ, phố Thanh Bình, phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình có giá trị 704.500.000 đồng (đã làm tròn số), trong đó giá trị đất 652.532.400 đồng, giá trị tài sản trên đất 51.965.531 đồng.

Ngày 20/11/2020 Tòa án nhân dân huyện Yên Mô đã thông báo kết quả thẩm định giá của Công ty Hoàng Kim. Chị H nhất trí với kết quả thẩm định giá; anh Đ không nhất trí vì giá thẩm định quá thấp so với giá thị trường, không yêu cầu thẩm định giá lại mà để anh tự bán theo giá thị trường.

Tại bản án số 01/2021/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 01 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện Yên Mô đã quyết định:

1. Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 31 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 117, Điều 119, Điều 122, Điều 129, Điều 131, Điều 317, Điều 319, Điều 500, Điều 501, Điều 502, Điều 357 Bộ luật dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, Điều 227, Điều 228; Điều 157, Điều 165, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

2. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Đ. Quan hệ hôn nhân của chị H và anh Đ chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bình A sinh ngày 06/7/2011 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu A thành niên; giao cháu Nguyễn Thịnh V sinh ngày 07/12/2013 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu V thành niên. Anh Đ và chị H không pH cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh Đ chị H được quyền thăm nom chăm sóc con chung.

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh Đ, chị H thanh toán tiền nuôi con cho anh Đ trong thời gian chị H lao động tại nước ngoài số tiền là 90.000.000đ (chín mươi triệu Đ).

4. Về tài sản chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được quyền sở hữu và sử dụng 01 nhà cấp 4 mái lợp tôn cùng công trình phụ trên diện tích 65,7m² đất tại thửa 200 tờ bản đồ số 01 phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình đã được cấp giấy CNQSD đất mang tên anh Nguyễn Thành Đ và chị Nguyễn Thị H. Chị H có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho anh Đ số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

- Anh Nguyễn Văn Đ (Nguyễn Thành Đ) được nhận số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) do chị H thanh toán chênh lệch sản chung.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu nếu người pH thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn pH trả số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

5. Về công nợ: Không chấp nhận yêu cầu của anh Đ xác định số tiền 400.000.000đ vay của ông Vũ Duy Q là công nợ chung của vợ chồng. Số tiền 400.000.000đ vay của ông Vũ Duy Q là công nợ riêng của anh Nguyễn Văn Đ (Nguyễn Thành Đ).

Anh Nguyễn Văn Đ (Nguyễn Thành Đ) phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Vũ Duy Q số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu Đ).

Giao dịch thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký ngày 27/3/2018 giữa anh Nguyễn Thành Đ (Nguyễn Văn Đ) và ông Vũ Duy Q vô hiệu.

Ông Vũ Duy Q phải có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn Đ (Nguyễn Thành Đ) và chị Nguyễn Thị H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố Ninh Bình cấp ngày 08/9/2015 mang tên chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Thành Đ.

6. Chi phí thẩm định và thẩm định giá: Tổng số tiền chi phí cho việc thẩm định tại chỗ và thẩm định giá là 10.400.000đ (mười triệu bốn trăm ngàn đồng) số tiền này chị H đã nộp.

Công nhận sự thỏa thuận của anh Đ chị H. Anh Đ trả lại cho chị H số tiền 5.200.000đ (năm triệu hai trăm ngàn đồng) tiền chi phí thẩm định và thẩm định giá.

7. Án phí:

- Án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn Đ mỗi người phải nộp số tiền 75.000đ (bảy lăm ngàn đồng).

- Án phí chia tài sản: Chị H phải nộp số tiền là 20.180.000đ (hai mươi triệu một trăm tám mươi ngàn đồng). Anh Đ phải nộp số tiền là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

- Án phí công nợ: Anh Đ pH nộp số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Tổng số tiền án phí anh Đ phải nộp là 35.075.000đ (ba mươi lăm triệu không trăm bảy lăm ngàn Đ).

Tổng số tiền án phí chị H phải nộp là 20.255.000đ (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi lăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.300.000đ tại biên lai số AA/2016/0002287 ngày 26/6/2020 và biên lai số AA/2016/0002291 ngày 03/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô. Chị Nguyễn Thị H còn phải nộp số tiền án phí là 4.955.000đ (Bốn triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự; quyền thoả thuận, yêu cầu, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Ngày 19/01/2021 anh Nguyễn Văn Đ kháng cáo bản án sơ thẩm về phần nuôi con và chia tài sản chung là đất và tài sản trên đất. Lý do: Anh Đ xin nuôi cả hai con là Nguyễn Bình A và Nguyễn Thịnh V, nếu phải phân chia thì anh Đ xin nuôi cháu V nhưng bản án lại giao cháu V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng nên anh không nhất trí. Về tài sản, Tòa án quyết định giao toàn bộ tài sản chung vợ chồng là đất, tài sản trên đất cho chị H sở hữu sử dụng, chị H có nghĩa vụ thanh toán cho anh Đ 300.000.000 đồng. Việc buộc chị H thanh toán cho anh Đ số tiền nêu trên là quá thấp so với thời điểm hiện tại. Mảnh đất là do vợ chồng bỏ tiền ra mua chứ không phải mẹ chị H cho một nửa đất (35,7m²); thực tế để có được diện tích đất 35,7m² vợ chồng anh phải bỏ ra 20.000.000 đồng vào năm 2010. Về phần thẩm định giá là thấp so với thực tế, nên anh không nhất trí. Anh Đông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

- Về phần nuôi con: Anh Đ xin nuôi cháu Nguyễn Thịnh V.
- Đề nghị xem xét thẩm định và định giá lại đất và tài sản trên đất để phân chia tài sản chung cho vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị H xin nuôi cháu V vì cháu còn quá nhỏ chưa biết gì, rất cần sự quan tâm dạy dỗ của cha mẹ nhưng anh Đ đi làm suốt ngày không chăm sóc dạy dỗ được con, đối với cháu A đã tự lo được cho bản thân do đó có thể ở với anh Đ; về tài sản anh Đ đã nhất trí lựa chọn Công ty Hoàng Kim thẩm định giá, sau đó cho rằng giá thẩm định thấp xin tự bán nhà đất nhưng không có ai đến hỏi mua nên không bán được; vì vậy đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Anh Đ vẫn giữ quan điểm xin nuôi cháu V vì cháu rất nghịch nếu để chị H nuôi dưỡng sẽ không thể quản lý và dạy dỗ được con; về tài sản anh Đ xin được tự bán để vợ chồng chia nhau nếu không được thì đề nghị Tòa án định giá lại vì giá thẩm định là thấp hơn giá thị trường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội Đ xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 01/2021/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô.

- Anh Nguyễn Văn Đ phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Văn Đ đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo quy định của pháp luật. Vì vậy, đơn kháng cáo của anh Đ được xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Tòa án nhân dân huyện Yên Mô thụ lý, giải quyết sơ thẩm đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét phần bản án sơ thẩm bị kháng cáo:

[3.1] Về con chung: Chị H và anh Đ cùng xác nhận, anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Bình A sinh ngày 06/7/2011 và cháu Nguyễn Thịnh V sinh ngày 07/12/2013; anh, chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung. Nếu không được nuôi cả hai con thì chị H xin nuôi cháu V, anh Đ cũng có nguyện vọng được nuôi cháu V. Cháu A và cháu V đều có nguyện vọng được ở với bố.

Việc xem xét nguyện vọng của con để giao cho cha mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là cần thiết. Tuy nhiên cháu A và cháu V đều còn nhỏ tuổi, khả năng nhận thức chưa đầy đủ nên nguyện vọng còn theo cảm tính. Khi giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến nguyện vọng của các cháu và cân nhắc điều kiện, khả năng nuôi con của các bên và giao cho chị H nuôi cháu V, anh Đ nuôi cháu A là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con trẻ.

Pháp luật quy định cha mẹ có nghĩa vụ, quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên và không được phân biệt đối xử với con. Xét lý do anh Đ đưa ra để xin được nuôi cháu V là không thỏa đáng, không chứng minh được chị H không đủ điều kiện nuôi con nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo về phần nuôi con của anh Đ.

[3.2] Về việc phân chia tài sản: Chị H và anh Đ thống nhất khởi tài sản chung đề nghị Tòa án giải quyết gồm 65,7m² đất ở tại thửa số 200 tờ bản đồ số 01 phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình, trên đất có 01 nhà tạm cấp 4 mái lợp tôn cùng công trình phụ.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm chị H và anh Đ đã thống nhất lựa chọn Công ty Hoàng Kim tiến hành thẩm định giá tài sản chung của vợ chồng. Công ty Hoàng Kim đã tiến hành thẩm định giá theo đúng quy định, anh Đ không nhất trí với kết quả thẩm định giá nhưng không yêu cầu thẩm định giá lại mà để anh tự bán. Đến nay nhà đất vẫn chưa bán được, anh Đ cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh kết quả thẩm định giá là không chính xác, không phù hợp với giá thị trường nên không có căn cứ định giá lại tài sản theo yêu cầu kháng cáo của anh Đ.

Chị H khai nguồn gốc đất là của mẹ chị H cho một nửa, còn một nửa vợ chồng bỏ tiền ra mua lại phần của chị gái được mẹ cho. Lời khai của chị H phù hợp với lời khai của bà Lưu (mẹ chị H), phù hợp với hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất. Theo hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất và xác nhận của UBND phường Ninh Sơn thì năm 2015 bà Lưu chuyển cho chị H anh Đ được quyền sử dụng 65,7m² đất tại thửa số 200 tờ bản đồ số 01 phường Ninh Sơn bằng hình thức

tặng cho. Anh Đ xác định vợ chồng bỏ tiền ra mua toàn bộ mảnh đất chứ không phải mẹ chị H cho một nửa đất nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Do đó có thể xác định thửa đất của anh Đ chị H có nguồn gốc do vợ chồng mua một nửa, còn một nửa là do mẹ chị H cho. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất là tài sản chung và chia cho chị H được hưởng phần nhiều hơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.3] Từ các chứng cứ được nhận định ở trên Hội Đ xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đ, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 01/2021/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô.

[4] Những phần bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số AA/2016/0002397 ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô; anh Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (19/4/2021).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDCC tại Hà Nội;
- TAND huyện Yên Mô;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- CCTHADS huyện Yên Mô;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI Đ XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tử Lượng

